

Số: /2025/TT-BCA Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 2**THÔNG TƯ****Quy định chi hỗ trợ cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông**

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012; được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 67/2020/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2020, Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 và Luật số 88/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 176/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an; được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi hỗ trợ cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về nguồn kinh phí chi hỗ trợ; lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí chi hỗ trợ; thông tin phản ánh hành vi vi

phạm hành chính được xem xét chi hỗ trợ; điều kiện chi hỗ trợ; nguyên tắc, hình thức cung cấp thông tin phản ánh; xác minh, xử lý thông tin phản ánh; thực hiện chi hỗ trợ, mức chi hỗ trợ; chứng từ kế toán, hình thức chi hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy (sau đây gọi chung là trật tự, an toàn giao thông).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Công an các đơn vị, địa phương.
2. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông.
3. Cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin).

Điều 3. Nguồn kinh phí; lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí chi hỗ trợ cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông

1. Kinh phí chi hỗ trợ cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính được bố trí từ nguồn kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước hằng năm.

2. Lập dự toán, phân bổ kinh phí, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí chi hỗ trợ

a) Cùng thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, căn cứ vào nhu cầu chi hỗ trợ và đánh giá khả năng thực hiện năm hiện hành, Cục Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh, thành phố lập dự toán nhiệm vụ chi theo quy định tại Nghị định số 176/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng kinh phí thu từ xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước (sau đây viết gọn là Nghị định số 176/2024/NĐ-CP), gửi Cục Kế hoạch và Tài chính để thẩm định, tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Công an quyết định phân bổ và giao dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Cục Cảnh sát giao thông, Công an tỉnh, thành phố thực hiện quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí chi hỗ trợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, Thông tư này và các văn bản khác có liên quan; mở sổ sách kế toán để ghi chép, hạch toán và tổng hợp trong quyết toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán, thống kê.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông được xem xét, chi hỗ trợ

1. Thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy.

2. Thông tin phản ánh hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này được người có thẩm quyền xác minh, xử lý theo các hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông quy định tại các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và các nghị định có liên quan.

Điều 5. Điều kiện chi hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin

1. Thông tin do cá nhân, tổ chức cung cấp phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Thông tin phản ánh được thể hiện dưới định dạng truyền tải hình ảnh động (video), kèm theo hoặc không kèm theo âm thanh, do chính cá nhân, tổ chức trực tiếp ghi nhận được bằng thiết bị điện tử cầm tay hoặc gắn trên phương tiện giao thông (trừ thiết bị ghi nhận hình ảnh lắp trên phương tiện giao thông theo quy định của pháp luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, giao thông đường thủy) và được gửi đến cơ quan Cảnh sát giao thông thông qua các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

b) Việc ghi nhận thông tin phải bảo đảm không xâm phạm quyền tự do, danh dự, nhân phẩm, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân và tổ chức theo quy định của pháp luật;

c) Thông tin phản ánh được ghi nhận tại các khu vực công cộng chưa được lắp đặt hệ thống camera giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông hoặc không có lực lượng chức năng thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông;

d) Thông tin phản ánh không trùng với hành vi vi phạm hành chính mà lực lượng chức năng đã phát hiện, không trùng với thông tin phản ánh mà phương tiện thông tin truyền thông, mạng xã hội hoặc cá nhân, tổ chức khác đã cung cấp, đưa tin trước đó;

đ) Thông tin phản ánh phải là thông tin gốc, không được chỉnh sửa, bảo đảm tính khách quan, chính xác, trung thực về hành vi vi phạm; xác định được rõ loại phương tiện, biển số phương tiện (số đăng ký đối với phương tiện giao thông đường sắt, đường thủy) vi phạm (đối với phương tiện đã có biển số, số đăng ký), thời gian, địa điểm xảy ra hành vi vi phạm;

e) Đáp ứng các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 135/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về danh mục,

việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính (sau đây viết gọn là Nghị định số 135/2021/NĐ-CP).

2. Thông tin phản ánh do cá nhân, tổ chức cung cấp được người có thẩm quyền xác minh và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

3. Cá nhân, tổ chức khi cung cấp thông tin phản ánh bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 16 Nghị định số 135/2021/NĐ-CP và cung cấp thông tin về số tài khoản của mình mở tại tổ chức tín dụng để phục vụ công tác chi, nhận hỗ trợ hoặc cá nhân, tổ chức trực tiếp đến trụ sở cơ quan Cảnh sát giao thông để nhận hỗ trợ.

Điều 6. Nguyên tắc, hình thức cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông

1. Nguyên tắc cung cấp thông tin

a) Mỗi thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông mà cá nhân, tổ chức ghi nhận được chỉ được cung cấp một lần và đến một đơn vị Cảnh sát giao thông;

b) Cá nhân, tổ chức đã cung cấp thông tin có trách nhiệm làm chứng, hợp tác với cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết vụ việc khi được yêu cầu.

2. Cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính cho Cơ quan Cảnh sát giao thông bằng một trong các hình thức sau:

a) Các hình thức cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 135/2021/NĐ-CP;

b) Thông qua Ứng dụng giao thông trên thiết bị di động dành cho công dân do lực lượng Cảnh sát giao thông quản lý, vận hành (sau đây gọi chung là Ứng dụng VNeTraffic).

Điều 7. Xác minh, xử lý thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông do cá nhân, tổ chức cung cấp

Việc tiếp nhận, xác minh, xử lý thông tin phản ánh được thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 135/2021/NĐ-CP, quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông của Cảnh sát giao thông và quy định sau đây:

1. Cục Cảnh sát giao thông xác minh, xử lý thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông xảy ra trên các tuyến đường bộ cao tốc, tuyến đường sắt, đường thủy được phân công phụ trách và các tuyến giao thông khác theo yêu cầu nhiệm vụ.

2. Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố (sau đây viết gọn là Phòng Cảnh sát giao thông) xác minh, xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông xảy ra trên các tuyến giao thông trong phạm vi địa giới hành chính của địa phương, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thông báo kết quả xác minh, xử lý thông tin phản ánh và việc chi hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức đã cung cấp thông tin phản ánh (theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này). Việc thông báo được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng phương thức điện tử khi đáp ứng được yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật thông tin.

Điều 8. Thực hiện chi hỗ trợ cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông quyết định việc chi hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính đối với vụ, việc thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của mình và các chức danh sau:

- a) Trưởng phòng nghiệp vụ hoặc tương đương thuộc Cục Cảnh sát giao thông;
- b) Đội trưởng, Thủy đội trưởng của Phòng nghiệp vụ hoặc tương đương thuộc Cục Cảnh sát giao thông;
- c) Cán bộ, chiến sĩ thuộc Cục Cảnh sát giao thông.

2. Trưởng phòng Cảnh sát giao thông quyết định việc chi hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính đối với vụ, việc thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của mình và các chức danh sau:

- a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;
- b) Giám đốc Công an tỉnh, thành phố;
- c) Đội trưởng, Trưởng trạm thuộc Phòng Cảnh sát giao thông;
- d) Cán bộ, chiến sĩ thuộc Phòng Cảnh sát giao thông.

3. Mức chi hỗ trợ cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông

Mức chi hỗ trợ cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 176/2024/NĐ-CP và quy định cụ thể sau đây:

- a) Đối với hành vi vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt được số tiền đến dưới 30.000.000 đồng đối với cá nhân hoặc đến dưới 60.000.000 đồng đối với tổ chức: Mức chi hỗ trợ cá nhân, tổ chức

cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông của một vụ, việc là 5% số tiền xử phạt vi phạm hành chính và tối đa 2.500.000 đồng/01 vụ, việc;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính mà người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt được số tiền từ 30.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân hoặc từ 60.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức: Mức chi hỗ trợ cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông của một vụ, việc là 10% số tiền xử phạt vi phạm hành chính và tối đa 5.000.000 đồng/01 vụ, việc;

c) Số tiền xử phạt vi phạm hành chính làm căn cứ xác định mức chi hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức là số tiền xử phạt được đối với hành vi vi phạm hành chính mà cá nhân, tổ chức đã cung cấp thông tin phản ánh.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này quyết định và tổ chức thực hiện việc chi hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức đã cung cấp thông tin phản ánh.

Điều 9. Chứng từ kế toán, hình thức chi hỗ trợ

1. Chứng từ kế toán chi hỗ trợ

a) Bản sao quyết định xử phạt vi phạm hành chính của người có thẩm quyền xử phạt hoặc quyết định xử phạt đã ký số được in từ hệ thống cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính;

b) Quyết định chi hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông (theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này);

c) Bảng kê thanh toán theo quy định của pháp luật kế toán đối với khoản chi hỗ trợ cho cá nhân, tổ chức cung cấp thông tin phản ánh hành vi vi phạm hành chính;

d) Các chứng từ có liên quan khác theo quy định của pháp luật về hoá đơn, chứng từ.

2. Hình thức chi hỗ trợ

a) Chuyển khoản vào tài khoản của cá nhân, tổ chức mở tại tổ chức tín dụng;

b) Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt cho cá nhân, tổ chức tại trụ sở cơ quan Cảnh sát giao thông.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Cảnh sát giao thông chủ trì, phối hợp với Cục Kế hoạch và Tài chính và đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Thông tư này.
2. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Kế hoạch và Tài chính, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.
3. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông hoặc Cục Kế hoạch và Tài chính) để có hướng dẫn kịp thời./.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ, Cổng TTĐT Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, C08 (P2). NH 150b.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang